

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 12- 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST- HNGĐ ngày 07/12/2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thủy A, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 12, lô số 7, khu tái định cư 1,9ha, tổ dân phố 10, phường M, quận N, thành phố H (vắng mặt)

+ Bị đơn: Anh Hoàng Trung K, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn (chị Trần Thị Thủy A): Bà Mai Bích N – Luật sư; Bà Nguyễn Thị Minh K– Luật sư; Bà Dương Thị Kiều L– Luật sư, Các luật sư của Công ty Luật TNHH Đông H - đều thuộc Đoàn luật sư thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Thủy A trình bày:

Chị Trần Thị Thủy A và anh Hoàng Trung K tự nguyện kết hôn ngày 06/3/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố H. Sau

khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình chị A. Đến giữa năm 2020 thì vợ chồng mâu thuẫn. Sau khi chị A sinh con, anh K không quan tâm chăm sóc. Đến đầu năm 2021, anh K đã bỏ đi biệt tích. Năm 2023, chị đã thông tin tìm kiếm anh K và đề nghị Tòa án tuyên bố anh K mất tích. Nay chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Trần Khánh M, sinh ngày 28/6/2020. Từ khi sinh con đến nay, anh K không quan tâm, chăm sóc cháu. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị số tiền là 5.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình,: không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Mai Bích N- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị Thủy A trình bày:

Chị Trần Thị Thủy A và anh Hoàng Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm, lối sống. Sau đó anh K đã bỏ nhà đi biệt tích, không quan tâm đến con cái. Chị A đã thực hiện đầy đủ các biện pháp tìm kiếm, đã đề nghị Tòa án tuyên bố anh K mất tích. Nay chị A có quan điểm xin được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị A và anh K có 01 con chung là cháu Hoàng Trần Khánh M. Kể từ khi chị A sinh con ra đến nay, chị A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh K không quan tâm chăm sóc con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu M, đề nghị Tòa án giao cháu M cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Trần Thị Thủy A được ly hôn anh Hoàng Trung K.

+ Về con chung: giao cho chị Trần Thị Thủy A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Trần Khánh M, sinh ngày 28/6/2020. Không chấp nhận yêu cầu của chị A về đề nghị buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung do hiện nay anh K đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có đề nghị sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

+ Về án phí: Chị A chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Trần Thị Thủy A và anh Hoàng Trung K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh K có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh K vắng mặt lần thứ hai (không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt); Chị A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Thủy A và anh Hoàng Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố H ngày 06/3/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh K đã bỏ nhà đi từ năm 2020 đến nay không về, không có tin tức gì về gia đình. Chị A đã thực hiện mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2023/QĐST – VDS ngày 09/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố anh Hoàng Trung K mất tích.

Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Anh và anh K không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị A được ly hôn anh K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị A và anh K có 01 con chung là cháu Hoàng Trần Khánh M, sinh ngày 28/6/2020. Kể từ khi sinh cháu M cho đến nay, chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, xét giao con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị A có đề nghị Tòa án xem xét buộc anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị A, tuy nhiên, hiện nay anh K không có mặt tại địa phương. Tòa án đã có quyết định tuyên bố anh K mất tích, vì vậy không có cơ sở để buộc anh K cấp dưỡng nuôi con cùng chị A.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị A xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập được quan điểm, lấy lời khai của anh K, vì vậy HĐXX tách các nội dung trên, không xem xét trong vụ án này. Nếu các đương sự có tranh chấp và đề nghị giải quyết sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 12, Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thủy A được ly hôn anh Hoàng Trung K.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thủy A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Trần Khánh M, sinh ngày 28/6/2020 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Không chấp nhận yêu cầu của chị A về đề nghị anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn)/ tháng.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thủy A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003340 ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị A và anh K vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện T;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h T;
- UBND xã Đ.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan

